

Bản án số: 288/2021/HS-PT

Ngày: 12 - 5 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 631/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Chí L và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2020/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

*Bị cáo kháng cáo, kháng nghị:*

1. Nguyễn Chí L, sinh năm: 1993, tại tỉnh Quảng Ngãi; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn X5, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Nguyễn L1, sinh năm 1969; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Hạnh D, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có; Anh chị em có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 13/02/2020; Tạm giam ngày 22/02/2020; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

*- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí L theo yêu cầu là luật sư Lê Thanh D1 - Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng (có mặt).*

2. Nguyễn Thế Anh T, sinh năm: 1994, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Khu phố X2, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề

nghề: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Thế P, sinh năm 1966; Họ và tên mẹ: Vi Thị M, sinh năm 1966; Vợ, con: Chưa có; Bị cáo là con D2 nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 13/02/2020; Tạm giam ngày 22/02/2020; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế Anh T theo yêu cầu:* Luật sư Nguyễn Hoàng G - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. Phạm Nguyễn Thái B, sinh năm: 1993, tại tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Họ và tên cha: Phạm Văn H1, sinh năm 1956; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1966; Vợ, con: Chưa có; Anh chị em có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 13/02/2020; Tạm giam ngày 22/02/2020; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

4. Phan Nhật M1, sinh năm: 1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Số 461/19, đường B, Phường X2, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ và tên cha: Phan Văn S, sinh năm 1976; Họ và tên mẹ: Nguyễn Tổ N2, sinh năm 1981; Vợ, con: Chưa có; Bị cáo là con D2 nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 13/02/2020; Tạm giam ngày 22/02/2020; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1993 (vắng mặt);

HKTT: Số 18, T, Phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Tạm trú: Số 234/17, P, Phường X17, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nguyễn Thanh D2, sinh năm 1998 (vắng mặt);

HKTT: Khóm X1, Phường X9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Số 29/22, khu phố X2, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Thị Hạnh D, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn X4, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Nguyễn Tổ N2, sinh năm 1981 (vắng mặt);

HKTT trú: Số 461/19, đường B, Phường X2, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 58/14/24/21, đường X47, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Phạm T A, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Võ Văn A1, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp L, xã H, huyện L1, tỉnh Đồng Tháp.

7. Trần Thị Ri Đ1, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 39, T, Khóm X3, Phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn D2 K1, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 59A, Khóm X4, thị trấn L1, huyện L1, tỉnh Đồng Tháp.

9. Nguyễn Thị T4, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 224, ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp.

10. Trần Văn E, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp X5, xã Đ, huyện Ti, tỉnh Đồng Tháp.

11. Huỳnh Ngọc Thiên T4, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 374, ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

12. Lê Huỳnh Quốc T5, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 90, TL852, Khóm T, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

13. Phạm Cẩm H4, sinh năm 1954 (có mặt ngày 05/5/2021, xin vắng mặt ngày 12/5/2021);

Nơi cư trú: Số 17, B, Khóm T2, Phường T3, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

14. Trương Hoàng T6, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 050, ấp X2, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

15. Bùi Phước V1, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp M, xã M1, huyện Ti, tỉnh Đồng Tháp.

16. Nguyễn Đăng K3, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 518/7, N, Phường X1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp tiếp nhận nguồn tin về tội phạm từ Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp đề nghị xác minh làm rõ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có xảy ra việc mua bán văn bằng, chứng chỉ hành nghề y tế giả nên Cơ quan cảnh sát điều tra thụ lý giải quyết.

Quá trình điều tra đã xác định được Nguyễn Chí L, Nguyễn Thế Anh T, Phạm Nguyễn Thái B, và Phan Nhật M1 là bạn bè quen biết nhau thông qua việc chơi game online tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vào đầu năm 2018, Nguyễn Chí L làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh quen biết với người tên D2 (không rõ họ tên, địa chỉ), L biết D2 đang làm bằng cấp giả có thu nhập cao, được D2 gợi ý làm môi giới cho D2 để kiếm thêm thu nhập thì L đồng ý. L làm cho D2 đến tháng 8/2018 thì hai người phát sinh mâu thuẫn nên L không làm cho D2 nữa mà tự tách ra làm riêng. Thời điểm này L rủ Nguyễn Thế Anh T cùng tham gia làm bằng cấp, chứng chỉ giả để kiếm tiền thì T đồng ý. Khi làm chung với D2, L biết quy trình làm bằng cấp, chứng chỉ giả nên L và T thuê căn hộ của chung cư Dreamhome thuộc Phường X14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh làm địa điểm thực hiện hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Thời gian đầu, cả hai lên mạng internet tìm người thuê tạo các website như: “[www.lambangvietnam.com](http://www.lambangvietnam.com)”, “[www.lambangdaihoc4trieu.com](http://www.lambangdaihoc4trieu.com)”, “[www.lambangkhongcoc.com](http://www.lambangkhongcoc.com)” và “[www.lambangdaihoc24h7.com](http://www.lambangdaihoc24h7.com)” để đăng các thông tin làm giấy tờ giả cùng số điện thoại khuyến mãi của T và L lên trang website và khi khách có nhu cầu làm bằng giả thì điện thoại cho L và T để cung cấp thông tin trên bằng cấp, hình ảnh cá nhân qua ứng dụng Zalo. Tiếp theo L và T hùn tiền mua máy tính xách tay, máy in, máy in màu, máy ép nhựa plastic... và tìm mua các phôi bằng giả (Đại học, Cao đẳng, Trung học phổ thông, học bạ) trên mạng với giá 20.000đ/phôi, tem giả với giá 5.000đ/tem, mẫu dấu giá 2.000.000đ/cấp,... kèm theo file phần mềm Corel Draw (phần mềm thiết kế đồ họa) của một người không biết tên nhằm phục vụ cho việc làm giấy tờ giả. T và L đến Công ty giao hàng tiết kiệm chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh dùng số điện thoại khuyến mãi đăng ký tên Shop như: “Tranh Chì Shop”, tên tài khoản Nguyen The Anh T; tên Shop “Tranh Chì”, tên tài khoản Nguyen Thanh T3 (do T mượn của bạn) và cả hai đăng ký các tài khoản thụ hưởng ở các Ngân hàng ACB, Vietcombank để Công ty giao hàng tiết kiệm khi giao hàng xong sẽ thu tiền của khách hàng rồi chuyển tiền vào tài khoản ở các Ngân hàng cho T và L.

Khi nhận được thông tin của người đặt làm giấy tờ giả, L và T lên mạng truy cập vào Google để tìm kiếm các hình ảnh về văn bằng, chứng chỉ gốc của các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học phổ thông, Trung học chuyên nghiệp để lấy thông tin theo yêu cầu của người đặt làm giấy tờ giả. Sau khi có ảnh gốc của văn bằng, chứng chỉ thì L và T chia nhau sử dụng phần mềm Corel Draw đã cài đặt trên máy tính, chỉnh sửa thông tin phù hợp với nội dung thông tin của người yêu cầu làm giấy tờ giả. Khi

chỉnh sửa xong thông tin, cả hai tiến hành lấy phôi bằng giả đã đặt mua trên mạng in ra, L sẽ tập ký tên cho giống các chữ ký trên văn bằng, chứng chỉ gốc của các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học phổ thông theo yêu cầu của người đặt làm giấy tờ giả rồi ký tên lên phôi bằng đã in ra, còn T dán hình, đóng dấu đỏ, dấu nổi lên giấy tờ giả, dán tem giả và ép nhựa plastic là hoàn chỉnh. Giá của mỗi văn bằng, chứng chỉ giả sau khi hoàn thành L và T bán với giá từ 1.500.000đ đến 3.000.000đ tùy theo loại. Do sợ bị phát hiện, cả hai thuê Nguyễn Văn H6 và Tạ Khánh L7 (không rõ địa chỉ) chỉ quen biết bên ngoài xã hội để giao giấy tờ giả cho Công ty giao hàng tiết kiệm để chuyển giao cho khách hàng, H6 và L7 được L và T trả lương mỗi tháng 6.000.000 đồng.

Tháng 3 năm 2019, L biết Phạm Nguyễn Thái B là bạn học chung trường phổ thông chưa có việc làm ổn định nên kêu đến phụ giúp làm giấy tờ giả, B đồng ý. Nhiệm vụ của B là dán hình, ép dấu nổi và ép nhựa plastic lên văn bằng, chứng chỉ do L và T chỉnh sửa rồi in ra, hàng tháng B được trả lương 6.000.000đ. Do thấy B có thu nhập thấp nên T và L tạo riêng cho B 01 trang web có tên “[www.lambangnhanhgiare.com](http://www.lambangnhanhgiare.com)”, kèm theo số điện thoại khuyến mãi của B để khách hàng liên hệ, tiền chạy web và tiền chạy quảng cáo trên web do B chi trả, cách thức giao hàng giấy tờ giả B đăng ký giống như T và L tại Công ty giao hàng tiết kiệm, tài khoản thụ hưởng B đăng ký tại Ngân hàng ACB, số tiền kiếm được từ trang web riêng của B do B hưởng.

Đến tháng 8 năm 2019, do hết hợp đồng thuê nhà và tránh sự chú ý của người khác, cả 03 chuyển đến thuê căn hộ B3-04, chung cư P, tổ X49, khu phố X3, Phường T, Quận X12, Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục làm giấy tờ giả. Đến tháng 11 năm 2019, L và T thuê Phan Nhật M1 là bạn đến phụ giúp, M1 có nhiệm vụ photo giấy tờ giả đã thành phẩm để làm các giấy chứng thực bản sao, rồi bỏ các giấy tờ giả đó vào bao thư đưa cho H6 và L7 chuyển cho Công ty giao hàng tiết kiệm, mỗi tháng L và T trả cho M1 số tiền 6.000.000 đồng. Ngoài ra, L và T cũng tạo cho M1 một trang web có tên “[www.lambangcapre.com](http://www.lambangcapre.com)”, kèm theo số điện thoại khuyến mãi của M1 để khách hàng liên hệ, tiền chạy web và tiền chạy quảng cáo trên web do M1 chi trả, cách thức giao hàng cũng như hưởng lợi từ trang web của M1 giống như cách thức của B. Cả bốn người L, T, B và M1 cùng nhau làm giấy tờ giả đến ngày 12/02/2020 thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp phối hợp cùng với Công an Quận x12, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành bắt khẩn cấp và khám xét khẩn cấp chỗ ở của các bị can để tiến hành điều tra làm rõ.

Tại kết luận giám định số 175 ngày 02/3/2020; số 278 ngày 26/3/2020 và số 607 ngày 07/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Các văn bằng, chứng chỉ, học bạ và con dấu đã thu giữ gửi giám định là giả.

Kết luận giám định số: 185 ngày 03/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Khẩu súng ngắn đã thu giữ gửi giám định là súng đồ chơi nguy hiểm, súng dùng bắn đạn hình cầu cỡ 6mm, không phải là vũ khí quân dụng.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm 23/2020/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020  
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:*

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Chí L, Nguyễn Thế Anh T, Phạm Nguyễn Thái B và Phan Nhật M1 cùng phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí L 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Anh T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2020.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Thái B 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2020.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Nhật M1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 30/9/2020, các bị cáo Nguyễn Chí L, Nguyễn Thế Anh T, Phạm Nguyễn Thái B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 21/10/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số 60/QĐ-VC3-V1 kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Chí L, Nguyễn Thế Anh T, Phạm Nguyễn Thái B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 60/QĐ-VC3-V1 ngày 21/10/2020 đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, để điều tra xét xử lại.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng

thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã có những sai sót như sau:

+ Bản án sơ thẩm đã bỏ lọt người phạm tội, trong 12 đối tượng đã đặt hàng bằng giả, trong đó có 3 đối tượng đã sử dụng bị phát hiện nên là đồng phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

+ Bản án sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là không có căn cứ vì các bị cáo nộp tiền thu lợi bất chính không phải là khắc phục hậu quả.

+ Vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, nhưng bản án sơ thẩm đánh giá không đúng tính chất mức độ quy mô hành vi phạm tội.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại. Do hủy bản án sơ thẩm nên không xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí L trình bày: Thống nhất hành vi phạm tội của các bị cáo theo nhận định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, số lượng văn bằng chứng chỉ các bị cáo phát hành theo án sơ thẩm chỉ là ước lượng, nên số tiền chiếm đoạt quy kết cũng chưa đúng với thực tế, vì có những văn bản có sai sót phải sửa đi sửa lại nhiều lần. Đối với Quyết định kháng nghị thì 12 đối tượng có đặt vấn đề mua bằng nên các bị cáo mới thực hiện hành vi, nên vai trò tương đương với những trường hợp chưa được phát hiện. Ngoài ra, xin Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo L để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế Anh T trình bày: Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với 05 lý do nêu trong đơn kháng cáo, theo đó bị cáo cho rằng mức hình phạt quá nặng. Qua phần thẩm vấn tại phiên tòa phúc thẩm, vị luật sư không đồng tình quan điểm của kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm, thống nhất với quan điểm của luật sư đồng nghiệp. Bị cáo T phạm tội lần đầu có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nhận khuyết điểm, bị cáo tham gia với vai trò là người giúp sức tích cực không phải là chủ mưu. Mỗi khi có người đặt hàng thì các bị cáo thực hiện chứng chỉ, khi có sai sót thì việc chuyển đi phải trả phí nên số tiền thu lợi bất chính theo bản án sơ thẩm xác định là chưa chính xác, dẫn đến lượng hình chưa tương xứng. Ngoài tiền chi phí thì phần thuê trang web là 250 triệu đồng/tháng, trong khoảng 18 tháng tương ứng hơn 4 tỷ đồng chưa được cơ quan tiến hành tố tụng xem xét. Do đó, cần cân nhắc vấn đề để xác định số tiền các bị cáo thu nhập bất chính, thực tế các bị cáo không thụ hưởng hoàn toàn 5,4 tỷ đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trong phần đối đáp, người bào chữa cho bị cáo T cho rằng trong trường hợp nếu hủy bản án sơ thẩm thì cơ quan tiến hành tố tụng cần phải làm rõ việc bị cáo L khai có chuyển trả tiền cho trang web quảng cáo để xác định các bị cáo đã thuê, hay sử dụng lậu trang web quảng cáo. Người bào chữa cho bị cáo L còn cho rằng lý do hủy án (nếu có) là để làm rõ về số lượng văn bằng, tiền thu lợi bất chính có ảnh hưởng đến mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo, không phải hủy án do bỏ lọt tội phạm như nội dung của Quyết định kháng nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Chí L, Nguyễn Thế Anh T, Phạm Nguyễn Thái B và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến ngày bị bắt (12/02/2020), các bị cáo đã tạo ra nhiều trang Web, mua công cụ máy in, máy photo, máy tính xách tay, mua phôi bằng giả, dấu giả, tem giả,... nhằm phục vụ cho việc làm văn bằng, chứng chỉ giả rồi đăng ký số điện thoại khuyến mãi lên trang Web, Zalo nhằm quảng cáo để khách hàng khắp cả nước liên hệ mua văn bằng, chứng chỉ giả liên hệ, các bị cáo đăng ký giao hàng tại Công ty giao hàng tiết kiệm chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và mở tài khoản thụ hưởng ở các ngân hàng ACB, Vietcombank để công ty giao hàng thu tiền xong chuyển cho các bị cáo. Để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, bị cáo T và L đã thay đổi nhiều địa điểm để làm giấy tờ giả, đăng ký nhiều tên shop khác nhau, có tài khoản đăng ký ở ngân hàng không phải tên của các bị cáo, thuê người bên ngoài giao hàng... Các bị cáo đã làm ra hàng ngàn văn bằng, chứng chỉ giả và trên 20 con dấu giả bán cho khách hàng với tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.409.940.000 đồng, trong đó L thu lợi số tiền 2.392.489.511 đồng, T thu lợi số tiền 2.547.083.518 đồng, B thu lợi số tiền 541.144.145 đồng và Minh thu lợi số tiền 34.022.954 đồng.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Chí L, Nguyễn Thế Anh T, Phạm Nguyễn Thái B:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Mặt khác, hành vi làm văn bằng, chứng chỉ giả của các bị cáo đã tiếp tay cho những người mua văn bằng, chứng chỉ giả không có năng lực

chuyên môn, không qua đào tạo để xin vào làm việc ở những Công ty, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước để hưởng những chế độ tiền lương, phụ cấp không xứng đáng thuộc về mình, làm mất đi những cơ hội xin việc làm của những người được học tập, đào tạo bài bản. Đặc biệt hơn đối với những người mua văn bằng, chứng chỉ giả về y tế để xin vào làm việc những đơn vị có liên quan đến tính mạng con người sẽ rất nguy hiểm cho người bệnh. Hành vi của các bị cáo đã gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến kỷ cương pháp luật Nhà nước. Do đó, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo, giữ gìn kỷ cương pháp luật Nhà nước đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét vai trò tham gia của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo phạm tội có tổ chức, cấu kết chặt chẽ, liên kết thống nhất với nhau thuộc tình tiết tăng nặng quy định điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Gia đình bị cáo B có công với Cách mạng, cha của bị cáo là Phạm Văn H1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba và nhiều người thân tặng thưởng huân chương kháng chiến, được tổ quốc ghi công. Riêng đối với tình tiết đã khắc phục một phần hậu quả tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy số tiền mà các bị cáo và gia đình đã giao nộp trong quá trình điều tra đó là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội. Việc các bị cáo giao nộp số tiền này không được xác định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nếu bị cáo tự nguyện giao nộp ít nhất  $\frac{1}{2}$  số tiền thu lợi bất chính thì có thể xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc nộp lại tiền thu lợi bất chính là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là không chính xác. Các bị cáo không thuộc trường hợp áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho các bị cáo là không chính xác, dẫn đến mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là đã có lợi so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét theo hướng bất lợi cho các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[4] Xét Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo nội dung Quyết định kháng nghị thì Tòa án cấp sơ thẩm đã không đánh giá đúng mức độ, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng không

chính xác tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm đối với những trường hợp sử dụng tài liệu giả.

Xét, quá trình điều tra đã xác định có 12 trường hợp mua giấy tờ giả. Trong đó có 03 trường hợp là Phạm Tuấn A, Nguyễn Duy K1, Trần Văn E đã sử dụng giấy tờ giả trên nộp vào các cơ quan, tổ chức và bị phát hiện. 09 trường hợp còn lại đã mua văn bằng, chứng chỉ giả nhưng chưa sử dụng. Theo quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì hành vi sử dụng giấy tờ giả là dấu hiệu cấu thành tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. 03 trường hợp sử dụng giấy tờ giả bị phát hiện đã có dấu hiệu hình sự nhưng cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa xem xét xử lý như nhận định của Quyết định kháng nghị là có căn cứ. Đối với 09 trường hợp đã mua giấy tờ giả nhưng chưa sử dụng nên chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hành vi của tất cả 12 đối tượng mua giấy tờ giả chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự là không chính xác. Nội dung Quyết định kháng nghị về việc đề nghị xem xét khởi tố điều tra hành vi của những đối tượng mua giấy tờ giả là có căn cứ. Tuy nhiên, những đối tượng trên bị xem xét về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”, các bị cáo trong vụ án này bị xét xử về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, nên việc xem xét hành vi của các đối tượng sử dụng giấy tờ giả không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xem xét khởi tố, điều tra hành vi của những đối tượng có liên quan.

Đối với nội dung của Quyết định kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng không chính xác tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không đánh giá đúng tính chất, mức độ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy nhận định của Quyết định kháng nghị là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, những nội dung này có ý nghĩa trong việc xác định mức hình phạt đối với các bị cáo, không phải là căn cứ để hủy bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét không thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Chí L, Nguyễn Thế Anh T, Phạm Nguyễn Thái B;

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 60/QĐ-VC3-V1 ngày 21/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với các bị cáo.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Chí L, Nguyễn Thế Anh T, Phạm Nguyễn Thái B và Phan Nhật M1 cùng phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí L 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Anh T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2020.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Thái B 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2020.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Nhật M1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2020.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm B thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Chí L, Nguyễn Thế Anh T, Phạm Nguyễn Thái B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm hình sự đối với những đối tượng có hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu giả nếu có vi phạm thì xử lý

theo quy định pháp luật.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- TTG CA tỉnh Đồng Tháp;
- (Tổng đạt cho bị cáo)
- NLQ (16);
- Lưu (10) 42b (Ấn39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Mười**